TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2022.
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Thăng Bắc.**
Bà **Lý Thị Thịnh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bàn Văn K**, sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị C,** sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2022, bản tự khai ngày 08/4/2022, biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bàn Văn K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm không còn, anh K đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị C.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau anh K và chị C có 01 (một) người con chung tên là Bàn Kim Đ sinh ngày 01/11/2014. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống với anh K. Khi Tòa án tuyên bố anh K và chị C không phải là vợ chồng thì anh K đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh K không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2022, biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2022, và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của bị đơn chị Đặng Thị C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị C và anh Bàn Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình sống chung, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến giữa năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Chị C xác định tình cảm không còn, anh K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh K, chị C nhất trí.

- *Về con chung:* Chị C và anh K có 01 (một) người con chung tên là Bàn Kim Đ sinh ngày 01/11/2014. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng anh K. Khi Tòa án tuyên bố chị C và anh K không phải là quan hệ vợ chồng, chị C đề nghị giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2022 con chung Bàn Kim Đ, sinh ngày 01/11/2014 trình bày: Hiện nay cháu Đ đang sống với bố Bàn Văn K ở thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nếu bố mẹ không còn sống với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với bố là Bàn Văn K để được chăm sóc tốt nhất. Ngoài ra cháu Đ còn khai cháu còn nhỏ chưa có tài sản gì.

Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B nơi anh Bàn Văn K đăng ký hộ khẩu thường trú khẳng định: Anh Bàn Văn K, sinh năm 1999, trú tại: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và chị Đặng Thị C, sinh năm 1997, trú tại: Thôn C, xã Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Y.

Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B nơi chị C đăng ký hộ khẩu thường trú khẳng định: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1997, trú tại: Thôn C, xã Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và anh Bàn Văn K, sinh năm 1999, trú tại: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ph.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 đến năm 2018, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố anh K và chị C không phải là vợ chồng.

+ Về con chung: Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C có 01 (một) con chung tên là Bàn Kim Đ sinh ngày 01/11/2014. Hai bên thống nhất giao con chung cho anh Bàn Văn K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung: Do Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Bàn Văn K phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn là anh Bàn Văn K, anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Đặng Thị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị C giữ nguyên các vấn đề đã được trình bày trước đây được thể hiện trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Đặng Thị C, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa chị C đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến năm 2018 nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo quy định của khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì:*" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*

Vì vậy, anh Bàn Văn K yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và tại phiên tòa, anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C xác nhận có một con chung là Bàn Kim Đ sinh ngày 01/11/2014 (Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường). Anh K và chị C đều đề nghị giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con chung), chị Coi không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy giao con chung cho anh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Văn K. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung Bàn Kim Đ sinh ngày 01/11/2014 cho anh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Bàn Văn K và chị Đặng Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bàn Văn K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001034 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh Kinh đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Y;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn